

Bản án số: 38/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 12/09/2024
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và Bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2024/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 09 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị N** – sinh năm 1996.

Nơi ĐKHKTT: **Xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình.**

Địa chỉ: **Xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình;** vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H** - sinh năm 1989.

Địa chỉ: **Xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình;** vắng mặt.

Chị **N** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **H** vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị **Đỗ Thị N** trình bày: Chị **Đỗ Thị N** và anh **Nguyễn Văn H** sau thời gian khoảng 1 năm tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 07 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã **N, huyện K, tỉnh Ninh Bình.** Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 6 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm lối sống, kinh tế vợ chồng khó khăn mặt khác anh **H2** rượu chè không tu trí làm ăn, đánh đập chị và sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Sự việc diễn ra nhiều năm nay nhưng chị cố gắng nín nhịn cho con cái bớt khổ nhưng anh **H** không thay đổi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh **H** để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung cháu Nguyễn Thế V sinh ngày 15 tháng 12 năm 2014, cháu Nguyễn Hoàng H1 sinh ngày 11 tháng 6 năm 2019. Hiện các con chung đang ở cùng với chị N. Nay ly hôn chị nhận nuôi cả hai cháu và chị yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung theo quy định.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn Hiền H2 đang cư trú tại nhà mẹ đẻ anh H là bà Nguyễn Thị B tại xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn H và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H thông qua mẹ đẻ của anh H là bà Nguyễn Thị B, bà B cam kết giao ngay tận tay các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H. Bản thân anh H cũng đã biết việc chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh H không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ án.

Con chung của anh chị là cháu Nguyễn Thế V sinh ngày 15 tháng 12 năm 2014 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến nguyện vọng của con, tại bản tự khai cháu V trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Văn H ly hôn

- Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung cháu Nguyễn Thế V sinh ngày 15 tháng 12 năm 2014, cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2019 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là 2.000.000đ/ cháu/ tháng. Cấp dưỡng cả hai cháu.

- Án phí: Chị Đỗ Thị N nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước. Anh H nộp án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Đỗ Thị N** có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh **Nguyễn Văn H** có nơi cư trú tại: **Xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh **Nguyễn Văn H**, anh **H** đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị **N** có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị N** và anh **Nguyễn Văn H** có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 07 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã **N, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị **N** và anh **H** là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống cùng gia đình anh **H** tại **xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng sáu năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm trong lối sống, kinh tế khó khăn, chị **N** cho rằng bản thân anh **H** ham chơi, không tu trí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, rượu chè và còn đánh đập chị nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị đã nín nhịn nhiều lần nhưng anh **H** không thay đổi. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh **H** không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh **H** vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh **H** có thái độ bỏ mặc và không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng và chỉ tồn tại trên danh nghĩa.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã **N** thể hiện: Anh **H** là con trai ông **Nguyễn Văn Y** và bà **Nguyễn Thị B** đang sinh sống cùng ông **Y** và bà **B** tại **xóm A, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình**. Sau thời gian tìm hiểu chị **N** và anh **H** đã đăng ký kết hôn với nhau 17 tháng 7 năm 2014 tại **UBND xã N**. Quá trình vợ chồng anh **H**, chị **N** chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vấn đề làm ăn kinh tế. Thời gian gần đây khoảng đầu năm 2024 anh **H** bị tai nạn ngã xe sức khỏe yếu, đi làm không đều nên công việc bấp bênh, thu nhập không ổn định vợ chồng mâu thuẫn nhiều lên. Hiện chị **N** đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở **Đ** để làm ăn sinh sống, không sống cùng anh **H** nữa, anh chị sống ly thân nhiều tháng nay. Con chung của vợ chồng chị **N** và anh **H** có hai con chung cháu **Nguyễn Thế V** sinh ngày 15 tháng 12 năm 2014, cháu **Nguyễn Hoàng H1** sinh ngày 11 tháng 6 năm 2019. Hiện các con chung đang ở cùng với chị **N**. Về mức thu nhập của chị **N** và anh **H** do cả hai anh chị làm tự do nên chính quyền cơ sở không nắm được cụ thể mức thu nhập của hai anh chị. Nay chị **N** xin ly hôn anh **H** đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **N** và anh **H** đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau gần một năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị **N** và anh **H** có hai con chung cháu **Nguyễn Thế V** sinh ngày 15 tháng 12 năm 2014, cháu **Nguyễn Hoàng H1** sinh ngày 11 tháng 6 năm 2019. Hiện các con chung đang ở cùng với chị **N**. Nay ly hôn chị **N** có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung của vợ chồng và chị yêu cầu anh **H** có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung theo quy định. Về phía anh **H** không có ý kiến gì về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án, cũng như không có ý kiến gì về việc nuôi con sau khi ly hôn. Cháu **V** con chung chị **N** anh **H** qua nghe nguyện vọng muốn ở cùng với mẹ, cháu **H1** còn nhỏ nên cũng cần sự chăm sóc của người mẹ hơn

Nay để không làm ảnh hưởng sự phát triển bình thường của cháu và đảm bảo quyền lợi của con chung sau khi ly hôn cũng như ổn định việc học hành, tâm lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn nên giao cả hai cháu **V**, **H1** cho chị **N** tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống buộc anh **H** phải cấp dưỡng đối với hai con chung mỗi tháng là 2.000.000đ/ cháu, cấp dưỡng cho cả hai cháu là phù hợp với điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị **Đỗ Thị N** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh **Nguyễn Văn H** phải nộp 300.000đ án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đỗ Thị N**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý ly hôn giữa chị **Đỗ Thị N** và Anh **Nguyễn Văn H**. (Quan hệ hôn nhân giữa chị **N** và anh **H** chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Giao hai cháu **Nguyễn Thế V** sinh ngày 15 tháng 12 năm 2014, cháu **Nguyễn Hoàng H1**, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2019 cho chị **Đỗ Thị N** tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh **Nguyễn Văn H** có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là 2.000.000 đồng/cháu/ tháng. Hai cháu là 4.000.000đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2024 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị **Đỗ Thị N** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002199 ngày 13 tháng 05 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình. Anh **Nguyễn Văn H** phải nộp 300.000đ tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã N, huyện K.
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh